

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY****Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023****của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới**

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Tổ chức quán triệt sâu sắc, cụ thể hoá và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 36-NQ/TW đến các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW phải gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, các nghị quyết, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Việc cụ thể hóa mục tiêu và nhiệm vụ giải pháp về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phải bám sát quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 36-NQ/TW và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

II. MỤC TIÊU**1. Mục tiêu chung**

Tập trung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, phấn đấu đưa tỉnh Lạng Sơn trở thành tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

Triển khai việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ sinh học vào lĩnh vực nông lâm nghiệp, y dược, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất, tài chính, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, kinh doanh tăng 50%.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Tiếp nhận và làm chủ các công nghệ sinh học chủ yếu; hình thành và phát triển ngành công nghiệp sinh học, tạo ra nhiều sản phẩm đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh; đưa Lạng Sơn trở thành tỉnh có khả năng sản xuất và cung ứng các sản phẩm công nghệ sinh học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học. Phân đấu đưa tỉnh Lạng Sơn trở thành tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển và có đóng góp tích cực vào GRDP của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp tuyên truyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

Tổ chức quán triệt, cụ thể hoá các nội dung của Nghị quyết số 36-NQ/TW, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học tới các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện.

Chỉ đạo đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn để phổ biến rộng rãi trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân.

Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học với các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, ngành, lĩnh vực.

Phát huy vai trò chủ đạo và định hướng của các cơ quan tuyên truyền như Báo Lạng Sơn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên trong công tác tuyên truyền, chuyển tải các nội dung của Nghị quyết số 36-NQ/TW đi vào cuộc sống; xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu để chủ động khai thác phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chia sẻ thông tin về các tiến bộ khoa học, công nghệ mới, tiên tiến về công nghệ sinh học. Kịp thời

giới thiệu các thành tựu công nghệ sinh học; khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

2. Cụ thể hóa cơ chế, chính sách và tăng cường công tác quản lý nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Cụ thể hóa kịp thời và tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; bảo đảm an toàn sinh học.

Có chính sách phù hợp để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng, an ninh; kịp thời triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học ở các vùng dân tộc thiểu số, khó khăn, biên giới.

Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống gắn với công tác nghiên cứu; xây dựng, triển khai các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Hỗ trợ hình thành các nhóm, doanh nghiệp khởi nghiệp (Startup) của tỉnh trong lĩnh vực công nghệ sinh học nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế tại chỗ của tỉnh cho nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Triển khai các quy định về bảo đảm mối liên kết, gắn bó giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học; phối hợp triển khai, quản lý các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh. Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong các lĩnh vực.

Tổ chức triển khai áp dụng đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học.

3. Tập trung phát triển, ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; hình thành và phát triển ngành công nghiệp sinh học, tạo ra nhiều sản phẩm đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh

Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện sinh thái và khả năng thích ứng với sự biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; bảo tồn, khai thác, phát triển các giống cây trồng chủ lực của tỉnh (hồi, na, thạch, quýt, thông, hồng, sớ,...), các giống cây đặc sản (mắc mật, chanh rừng, gừng núi đá, rau đặc sản,...) và các loại cây rau, hoa quả ôn đới phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh; bảo tồn, khai thác, phát triển các giống vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế như gà sáu ngón, vịt cổ

xanh, cá mó, cá bống,...lai tạo, phát triển sản xuất các giống vật nuôi nhập nội như trâu, bò, lợn, các giống cá nước lạnh (cá tầm, cá hồi,...). Ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật, phương pháp khí canh, thủy canh trong sản xuất giống cây trồng sạch bệnh, chất lượng cao.

Tăng cường sử dụng các vắc xin và chế phẩm sinh học phòng bệnh cho vật nuôi, cây trồng, nhất là các loại dịch bệnh nguy hiểm, mới phát sinh, dịch bệnh xuyên biên giới, góp phần xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả, bảo tồn và phát triển các nguồn gen cây trồng, vật nuôi quý, hiếm.

Ứng dụng công nghệ sinh học để thực hiện các biện pháp thâm canh bền vững, công nghệ sản xuất sạch, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xây dựng vườn ươm ứng dụng công nghệ cao nhằm chủ động đáp ứng nhu cầu giống tốt trồng rừng thâm canh, trồng rừng gỗ lớn.

Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản và chế biến các sản phẩm, cụ thể: bảo quản sau thu hoạch đối với các sản phẩm nông sản, lâm sản, dược liệu; bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn kết hợp phương pháp truyền thống với ứng dụng công nghệ sinh học.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y dược: sản xuất giống cây dược liệu bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật; phân lập các chủng nấm dược liệu, chủng vi sinh dược phân bố trong tự nhiên và có tiềm năng nuôi trồng, khai thác phục vụ sản xuất nguyên liệu và các loại thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược.

Chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường, phát huy tiềm năng kinh tế rừng.

Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới; xác lập, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp tập trung vào sản xuất chế phẩm vi sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, các chế phẩm sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng, vật nuôi; trong bảo vệ môi trường tập trung vào các chế phẩm xử lý môi trường trong chăn nuôi, xử lý nước thải, rác thải; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế trong công nghệ sinh học có giá trị cao, ứng dụng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học; xử lý chất độc hoá học; bảo đảm an ninh sinh học trong nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn; tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ sinh học.

Chú trọng xây dựng đội ngũ nhà khoa học của tỉnh trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Có chính sách thu hút nhân lực công nghệ sinh học về công tác tại tỉnh; khuyến khích nhân lực công nghệ sinh học trình độ cao tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học tại tỉnh.

Xây dựng cơ sở vật chất từng bước đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, chế phẩm sinh học (trong phòng chống dịch bệnh ở người, bảo vệ thực vật, chăn nuôi - thú y, xử lý môi trường), thực phẩm chức năng, bảo quản, chế biến thực phẩm phù hợp với thực tiễn sản xuất của tỉnh. Tập trung đầu tư nguồn lực nhằm nâng cao năng lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; hiện đại hoá hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ sinh học; tập trung đầu tư cho các trung tâm đánh giá, kiểm định; trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; các trung tâm kiểm soát dịch bệnh, các cơ sở y tế, các đơn vị có chức năng đảm bảo an ninh sinh học, ứng phó sự cố môi trường.

Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá thiết bị sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực, có sự tham gia hoạt động mạnh mẽ, đầu tư của xã hội, của doanh nghiệp từng bước xã hội hóa hoạt động ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ về công nghệ sinh học góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học

Tăng cường hợp tác quốc tế để nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học với các nước có trình độ công nghệ sinh học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, trong đó tập trung vào các nước: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc... trên các lĩnh vực: đảm bảo an ninh, sản xuất nông nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường, chế biến thực phẩm.

Xây dựng các mô hình hợp tác nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế, xã hội bền vững với các quốc gia có trình độ công nghệ sinh học phát triển. Có chính sách hỗ trợ mua, tiếp nhận chuyển giao công nghệ sinh học vào sản xuất phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực công nghệ sinh học có trình độ cao. Có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích cán bộ khoa học và công nghệ của tỉnh tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế trong và ngoài nước về công nghệ sinh học.

Đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học, gắn kết hợp tác về khoa học và công nghệ với hợp tác về kinh tế. Đẩy mạnh các hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn sinh học đối với các sản phẩm ứng dụng và sản phẩm công nghệ sinh học đáp ứng các yêu cầu cam kết và quy định.

Tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học mà Việt Nam tham gia.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt nghiêm túc Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tạo chuyển biến về nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; xây dựng kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương tổ chức tuyên truyền sâu rộng về một số chủ trương, chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

3. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện có hiệu quả; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Hoàng Văn Nghiệm